



ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
Tòa Thánh Tây Ninh



BẢN TIN THẾ ĐẠO

Thông tin - Phổ truyền giáo lý Đạo Cao Đài

Bản Tin Thế Đạo

Số 115 ngày 9-8-2018

SINH HOẠT Tháng 8-2018 “HỘI TƯƠNG TẾ CAO ĐÀI & THÂN HỮU”

Hội Tương Tế Cao Đài là một tổ chức xã hội bất vụ lợi (Non-profit organisation) được thành lập nhằm mục đích thể hiện tình tương thân tương ái giữa những người tín đồ Cao Đài và thân hữu gia nhập Hội, tạo điều kiện cho các thành viên trong Hội đóng góp nghĩa vụ vật chất lẫn tinh thần để giúp đỡ về “Hậu sự” khi có thành viên trong Hội qua đời.

Hội có Trụ sở tại thành phố San Jose, California và Trưởng Ban Điều Hành hiện nay là Hiền Huỳnh Nguyễn Thành Hưng và 2 Phó Ban Điều Hành là Hiền Huỳnh Dương Văn Ngà và Hiền Huỳnh Nguyễn Đăng Khích.

Các vị trách nhiệm trong Hội Đồng Quản Trị & Ban Điều Hành của Hội hoạt động trên căn bản thiện nguyện, không có lương hưởng hoặc bất cứ phụ cấp nào từ Hội.

Hiện nay Hội có số hội viên là 104 vị.

Qua các tin tức từ các Bản Tin Thế Đạo đã qua, kể từ năm 2018 Hội đã tổ chức nhiều cuộc thăm viếng các hội viên già yếu bệnh tật để biết rõ tâm tư tình cảm và nguyện vọng của hội viên đồng thời cũng nói lên tình cảm, lòng ưu ái, và sự quan tâm của Hội đối với những hội viên già yếu bệnh tật thường xuyên.

Trong những ngày qua, Hội được tin Hiền tỷ Lê Thị Hộ bệnh nặng, đã nhập viện và sau đó đã được trở về nhà. Và để biết rõ bệnh tình cũng như muốn đến thăm hỏi Hiền Tỷ Hộ và gia đình cho nên Hội đã tổ chức cuộc viếng thăm vào sáng ngày 8-8-2018.

Hiền Tỷ Lê Thị Hộ ngụ ở đường Mount Oliveira thành phố San Jose và vào lúc 10.45 AM một phái đoàn Hội gồm có:

- 1- HH Nguyễn Thành Hưng
- 2- HH Dương Văn Ngà
- 3- HH Trần Đức Nhuận
- 4- HH Dương Minh Đức

đã đến thăm Hiền Tỷ Hộ và gia đình qua cháu Dũng và đã chúc Hiền Tỷ Hộ sớm bình phục.

Phái đoàn ra về vào lúc 11.48 AM cùng ngày.

Sau đây là 2 hình ảnh cuộc thăm viếng nói trên:





Thánh Giáo 20 Février 1926:

**Thánh Giáo dạy phải hòa nhau để chung lo danh Đạo Thầy
và từ đây Thầy khởi sự dạy Đạo**

**Ngọc Hoàng Thượng Đế Viết Cao Đài
Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát
Giáo Đạo Nam Phương**

Bửu tòa thơ thới nở thêm hoa,
Mấy nhánh rồi sau cũng một nhà,
Chung hiệp rắng vun nên Đạo Đức,
Bền lòng son sắt đến cùng Ta.

Nguồn Tiên tâm Đạo dễ gì đâu?
Quyền phép Càn Khôn một túi râu
Thoát xác xưa tàng tu vạn kiếp,
Độ hồn nay gọi khắp năm châu,

Tìm hiền lắm lúc gieo nguồn Đạo,
Cải dữ đòi phen cỗi mạch sào,
Trần khổ dầu ai chơn muốn lánh,
Ngày thành Chánh Quả có bao lâu?

Cái nhánh các con là nhánh chính mình Thầy làm chủ, sau các con sẽ hiểu.

Thầy vui muốn cho các con thuận hòa cùng nhau hoài, ấy là lẽ hiển cho Thầy rất trân trọng. Phải chung lo cho danh Đạo Thầy.

Đạo Thầy tức là các con, các con tức là Thầy, phải làm cho nhau đặng thể lực, đừng ganh gỗ nghe! Các con giữ phận làm tùy ý Thầy muốn, ngày sau sẽ rõ thấu ý muốn của Thầy.

Vào vòng huynh đệ khá thương nhau,
Một đức trời hơn một phẩm cao.
Quyết chí Thiên Đường mau bước tới,
Phải nhiều máu thịt mới đồng bào.

Các con phải hiểu rằng: Thầy, là huyền diệu thế nào? Cách dạy, Thầy buộc tùy thông minh mỗi đứa mà dạy.

Dầu cho Thầy phạm tục cũng phải vậy; nếu đứa dở mà dạy cao kỳ, nó biết đâu mà hiểu đặng.

Thầy cấm không cho dị nghị việc người; nhưt là đạo hữu của các con thì đừng phạm đến kéo tội nghiệp; chi chi cũng phải nhớ quyết rằng có Thầy trong đó.

Chẳng quản đồng tông mới một nhà
Cùng nhau một Đạo tức một cha,
Nghĩa nhân đàng gởi thân trăm tuổi,
Dạy lẫn cho nhau đặng chữ hòa.

Thầy dặn các con một điều; nhưt nhưt đều đợi lệnh thầy chẳng nên lấy tứ riêng mà phán đoán chi hết. Phận sự trách nhiệm các con, Thầy đã định trước, song giờ ngày chưa đến; phải tuân theo lời Thầy, nghe!

Từ đây Thầy khởi sự dạy Đạo cho.....

Trên Bạch Ngọc Kinh có đủ Nam và Nữ; các con chớ lầm tưởng là phân biệt. Có các đấng Nữ Tiên, Nữ Phật còn lớn quyền thế hơn Nam nhiều.

TR.....ã thọ mạng nơi thầy, con đi đâu Thầy theo đó; Lời Đạo Đức trong miệng con nói ra, ấy là lời của Thầy bố hóa tâm trí con đặng đi truyền Đạo; tùy cơ mà dạy kẻ; một mình con đâu đủ sức mà phục người. Chẳng luận là Nam hay Nữ, bất kỳ là nước nào, nó muốn biết Đạo Lý con phải độ, biểu chúng nó đến nghe Thầy dạy, mới có thể nó tu hành đặng; trước con không nên buộc chúng nó lắm.

Thầy nói một lần từ đây nhớ lấy: dầu cho đá, sắt, cây cỏ mà nghe đến Thánh Ngôn nơi Thầy mà con nói ra, cũng hoan nghinh, hưởng lựa là người, con nhớ và an lòng.

Đã thấy ven mây lộ mặt dương
Cùng nhau xúm xít dẫn lên đường
Đạo cao phó có tay cao độ
Gần gũi sau ra vạn dặm trường.

Thầy đã hàng ngày nói với con rằng: Muôn việc chi Thầy đã bố hóa vào lòng con. Như con tính điều chi, tức Thầy đã định rồi. Con không cần nặng lòng lo lắng. Đạo cốt để cho kẻ hữu duyên. Những kẻ nào đã làm môn đệ của «Tà thần Tinh quái» thì không thể gì làm môn đệ Thầy đặng.

Lẽ chánh tự nhiên có lẽ tà
Chánh Tà hai lẽ đoán sao ra;
Sao ra Tiên Phật người trần tục,
Trần tục muốn thành phải đến Ta

... Những kẻ đã hưởng hết phúc hậu từ mấy đời trước, nay lại còn phạm Thiên Điều, thì tội tình ấy thế chi giải nổi. Mấy con biết luật hình thế gian còn chưa tư vị thay, hưởng là Thiên Điều thì tránh sao cho lọt? Dầu các con như vậy, thì Thầy cũng lấy oai linh ấy mà trừng trị chớ không tư vị bao giờ. Phải lo sợ tội tình cho lắm; phải có sợ mới có giữ mình; phải biết sợ phải biết giữ mình, phải hiểu rõ rằng: «Thiên Địa vô tư» đừng gì là «Đại Từ Phụ» mà lờn oai nghe các con.

HẾT

CHỮ “HÒA” CỦA ĐẠO PHẬT (Hòa Thượng Thích Thiện Hoa)

Một gia đình luôn luôn hòa thuận vui vầy, một thôn xóm quanh năm an cư lạc nghiệp, một quốc gia đồng tâm nhất trí, một thế giới hòa bình thịnh trị, đó là hoài bão tha thiết của con người từ khi biết đau khổ và ước mơ. Nhưng khổ thay! Hoài bão ấy đã mấy lần được thực hiện? Chưa nói đến một phạm vi rộng lớn như quốc gia, thế giới, chỉ nói trong phạm vi nhỏ nhỏ như gia đình chẳng hạn, sự hòa thuận, tin yêu, vui vẻ, sự kính trên nhường dưới, sự đồng tâm đồng chí, cũng là một điều khó khăn, ít khi được thực hiện.

Và gia đình càng bất hòa, thôn xóm càng rối loạn, quốc gia càng chia năm xẻ bảy, thế giới càng bất an, giặc giã càng tung hoành, thì lòng người lại càng khao khát được an hòa.

Chữ “Hòa” là một trong những chữ có sức hấp dẫn mạnh nhất. Trong mọi thời đại, và nhất là trong thời đại bây giờ, cái hòa thật là quý báu. Người xưa thường nói: “Dĩ hòa vi quý”. Trong mọi điều kiện thuận lợi cho sự thành công, cái “Hòa” được đặt lên trên tất cả. Chẳng thế mà đức Khổng Tử đã dạy: “Thiên thời bất như địa lợi, địa lợi bất như nhân hòa”. (thời thế thuận không bằng địa thế lợi, địa thế lợi không bằng nhân tâm hòa).

Ngày nay, từ cường quốc cho đến nhược tiểu, mọi nước đều lo chuẩn bị chiến tranh, nhưng mọi lòng người, trừ người chế tạo và buôn vũ khí, tất cả đều khao khát hòa bình. Hai chữ “Hòa bình” được nêu lên làm một khẩu hiệu đẹp đẽ nhất, mầu nhiệm nhất, để lôi kéo, kết hợp lòng người.

Nhưng hòa bình đâu đã lại. Sau hai trận thế chiến khủng khiếp, ai cũng nghĩ rằng loài người sẽ sợ hãi chiến tranh, ít ra trong khoảng một trăm năm. Nào ngờ, sau hai quả bom nguyên tử vừa nổ ở Hiroshima và Nagasaki để đánh dấu chấm hết cho những trang sử đẫm máu của trận thế chiến thứ hai, thì các cường quốc lại nỗ lực hơn bao giờ hết, để thi đua chế tạo vũ khí nguyên tử cho một trận thế chiến thứ ba! Và ngày nay, trên hoàn cầu có những nước mặc dù trận chiến thứ hai đã chấm dứt, nhưng con dân vẫn còn tiếp tục gục ngã trên chiến trường, và vẫn mòn mỏi chờ đợi suốt hai mươi năm nay mà hòa bình chưa thấy trở lại. Như nước Pháp chẳng hạn, sau trận thế chiến thứ hai chấm dứt, thì đến chiến tranh Đông Dương, rồi lại đến chiến tranh Algérie! Thế giới ngày nay như đang sống trên hỏa diệm sơn, mà lửa vẫn cứ âm ỉ cháy, và hết hăm dọa phun lửa ở miệng núi này lại hăm dọa phun lửa ở miệng núi lửa khác, hết chiến trường Triều Tiên đến chiến trường Indonesia, hết chiến trường Indonesia đến chiến trường kinh đào Suez, hết chiến trường kinh đào Suez đến chiến trường Congo, hết chiến trường Congo đến chiến trường Lào quốc! Và mai đây sẽ đến chiến trường nào nữa?

Hòa bình! Hòa bình! Đến bao giờ người mới thực hiện sự ngự trị trên thế giới? Vì sao người chưa chịu trở về ngay bây giờ, ngay trong lúc mọi người đang tha thiết mong đợi? Người còn đòi hỏi những điều kiện gì mới chịu trở về? Người còn bắt nhân loại phải trả giá bằng bao nhiêu xương máu nữa mới chịu xuất hiện?

Vì sao chữ “Hòa” khó thực hiện như thế, mặc dù chỉ trong một phạm vi nhỏ hẹp như trong một gia

đình, trong một tập đoàn nhỏ nhỏ như một học đường, một thôn xóm, chứ chưa nói đến một phạm vi rộng lớn như quốc gia, nhân loại. Phải chăng vì người đời chưa đặt nó trên một căn bản vững chắc toàn diện, chưa tìm cho nó được những nguyên tắc sâu xa hợp lý?

Vậy chúng ta hãy tìm trong giáo lý Phật đà, quan niệm về chữ “Hòa” như thế nào? Nó được đặt trên những căn bản gì, nguyên lý gì, có những hình thức như thế nào, để rút ra một bài học quý báu cho thế giới ngày nay.

I.- CĂN BẢN CỦA CHỮ HÒA TRONG ĐẠO PHẬT

Chữ “Hòa” trong đạo Phật không phải là một danh từ suông, cũng không phải là một lời khuyên có tánh cách luân lý. Trái lại, nó có một nội dung rất dồi dào, dựa trên một căn bản triết lý rất vững chắc và sâu rộng.

1.- Dựa trên căn bản trí huệ:

Chữ “Trí huệ” chúng tôi muốn nói đây là trí huệ hiểu theo nghĩa đạo Phật, nghĩa là một sự sáng suốt hoàn toàn, viên mãn, sự sáng suốt mà các vị đã thực chứng được, chứ không phải trí huệ thông thường của thế nhân.

Với trí huệ viên mãn này, đức Phật đã khám phá ra rằng: vũ trụ, vạn vật là một tổng thể, bất khả phân. Không có giới hạn cố định, bất di bất dịch, giữa người này và người khác, giữa người và vật, giữa vật và cỏ cây, giữa cỏ cây và đất đá. Nếu có khác nhau chẳng, thì chỉ khác ở hình thức, ở trạng thái tĩnh hay động. Cái “Ta” riêng biệt chỉ là giả tạo của si mê, ích lý, ngạo mạn, tham lam. Cái Ta đã ngăn cách sự thông cảm giữa ta và người, giữa người và vạn vật. Cái ta đã đóng từng khung, từng học, chia cách, cắt bản thể, và gây thành mâu thuẫn, đối lập giữa người và người, người và vạn vật.

Nhìn qua trí huệ của Phật thì thời gian và không gian đều không thể cắt xén được. Quá khứ, hiện tại và tương lai thừa tiếp, giao hòa không dứt. Thế giới, vạn hữu do sự đối đãi mà hình như thật có riêng tư; Bắc là do đối với Nam mà có; Đông là do đối với Tây mà có; có sáng thì có tối, có sống thì có chết... Tất cả là do đối đãi, chứ không có một vật gì có thể tồn tại, riêng rẽ ngoài những cái khác.

Tóm lại, bản thể của vũ trụ là một tổng thể, một sự chung cùng, hòa hợp. Đối lập, xung đột là tự hại, tự sát. Đoàn kết, hòa bình là sống; chia rẽ, chiến tranh là chết.

Câu chuyện cái đuôi rắn làm reo, quấn vào gốc cây không chịu đi, để phản đối cái đầu, là một thí dụ cụ thể nói lên cái ý nghĩa rằng, sự bất hòa của mỗi một phần tử đều gây tai họa cho riêng mình và chung cho toàn thể.

Đấy, chữ “Hòa” phải hiểu được một cách rất ráo sâu xa như thế, phải được đặt trên căn bản rộng lớn vững chắc của trí huệ Phật, chứ không thể hiểu một cách phiến diện, nông cạn mà có thể tồn tại lâu dài được.

2.- Dựa trên căn bản bình đẳng tuyệt đối của Phật tánh:

Muốn có Hòa thì trước tiên, phải có một tinh thần bình đẳng. Sự bất bình đẳng là nguyên nhân chính

của sự xung đột, mâu thuẫn. Một xã hội phân chia làm nhiều giai cấp bất công, ưu đãi một thành phần này và bóc lột nhiều thành phần khác, thì không bao giờ có thể an hòa được.

Bởi vậy, muốn có hòa, phải có bình đẳng. Bình đẳng càng triệt để thì hòa lại càng sâu rộng, vững chắc. Xét trong mọi triết lý, đạo đức, tôn giáo, thì giáo lý đạo Phật là một giáo lý đề cao tinh thần bình đẳng hơn cả. Phật đã tuyên bố một câu, mà đến ngày nay vẫn còn là khuôn vàng thước ngọc, để nhân loại noi theo: “Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh và có thể thành Phật”. Trước sự phân chia bất bình đẳng của giai cấp ở Ấn Độ, ngài dạy: “Không có giai cấp trong nước mắt cùng mặn, trong dòng máu cùng đỏ như nhau”.

Trước sự sống, mọi sinh vật đều bình đẳng và được tôn trọng như nhau. Không có giống vật nào được biệt đãi hơn giống nào. Trước tòa án nhân quả mọi sinh vật đều nhận lãnh đúng cái phần họa hay phước, mà mình đã tạo ra trong quá khứ. Không có một giống vật nào được ở mãi trong hình thức, trong từng bậc riêng của mình, sau khi hưởng hết phước quả, hay trả xong ác quả mà mình đã gây ra. Các bậc ở cõi Thiên có thể bị đọa làm người, người có thể bị đọa vào địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, một khi phước duyên đã hết. Trái lại, các chúng sinh ở địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ có thể luân hồi thành người, và người có thể vãng sinh lên cõi Thiên, một khi phước duyên đã hội đủ.

Xem thế đủ biết rằng, toàn thể chúng sanh, không có một sinh vật nào được hưởng đặc ân riêng của một quyền lực, một đẳng tối cao nào hết. Và trong xã hội loài người, cũng không có một sự biệt đãi, một ân sủng riêng cho một giai cấp hay một từng lớp người nào cả. Ai ở hiền thì gặp lành, ai ở ác thì gặp dữ; ai trồng phước thì gặt phước, ai gieo họa thì gặt họa. Đó là một định luật bất di bất dịch của bình đẳng.

Chữ hòa được đặt trên nền móng bình đẳng tuyệt đối ấy, cho nên không ai có thể viện ra một lý do đúng đắn nào cả, một ý nghĩa xác thực nào để gây sự bất hòa, sự xung đột, sự tranh chấp.

3.- Dựa trên căn bản Từ bi:

Tình thương có thể giải quyết cả mọi vấn đề, dù khó khăn bao nhiêu. Người ta thường có câu: “Khi thương trái ấu cũng tròn; khi ghét trái bò hòn cũng méo”. Tình thương là động lực chính, thúc đẩy người ta hy sinh tất cả những gì quý báu nhất: tiền tài, danh vọng, sanh mạng. Trái lại, thiếu tình thương, thì không có một công cuộc gì có thể thực hiện được. Một gia đình thiếu tình thương là một gia đình buồn thảm, tối tăm; một đoàn thể thiếu tình thương, thì đoàn thể ấy sẽ tan rã, một xã hội thiếu tình thương thì xã hội ấy sẽ là một mảnh đất tốt cho những mầm bất hòa, xung đột, chiến tranh nảy nở.

Cho nên muốn có hòa, trước phải có tình thương. Tình thương càng rộng, càng sâu, thì hòa càng lâu dài, vững chắc.

Kể về tình thương, thì không có tình thương nào rộng rãi, mênh mông, mạnh mẽ bằng từ bi, trí huệ của Phật, càng sâu rộng, càng soi sáng đến đâu, thì lòng từ bi của Phật lan tràn đến đó. Khi đã giác ngộ được rằng mình là toàn thể, toàn thể là mình, thì thương mình tất phải thương đoàn thể, và thương đoàn thể là thương mình. Khi đã nhìn thấy một cách sâu xa, qua mọi hình thức sai biệt, rằng tất cả chúng sinh đều cùng chung một bản thể, thì không thể nuôi dưỡng một thứ tình yêu hẹp

hòa, phiên diện riêng tư được. Cho nên, đã có trí huệ, tất phải có từ bi, và đã có từ bi, thì hòa tất phải vững chắc rộng lớn.

Khi đã thương nhau, thì ai còn tranh chấp với ai làm gì. Trái lại, càng hy sinh cho người mình thương yêu chừng nào, càng gây tạo hạnh phúc cho người thân chừng nào, lại càng thấy sung sướng chừng ấy.

Như thế, chúng ta thấy hòa không thể thành lập riêng một mình, mà có thể đứng vững được. Nó phải dựa trên căn bản của một triết lý, một đạo giáo lấy trí huệ, bình đẳng, từ bi làm nòng cốt. Nếu không có nền móng làm vững chắc, thì cái hòa ấy chẳng khác gì một tòa lâu đài xây trên cát, và sẽ đổ vỡ ngay khi một trận bão lụt.

Cái hòa của đạo Phật, không phải là một thứ bắt buộc, dựa trên uy quyền, mãnh lực, hay là một lời khuyên suông. Cái hòa này là một thứ hòa thông minh, sáng suốt do sự giác ngộ quyền lợi của mình và toàn thể mà có. Nó là cái hòa phát sinh từ sự bình đẳng tuyệt đối mà có, là hậu quả của một sự quân phân đồng đều về mọi phương diện vật chất và tinh thần. Cuối cùng nó cũng là một kết quả của tình thương rộng lớn, cao đẹp, vô biên giới.

Có người sẽ nói: “Cái hòa ấy đẹp lắm, quý lắm, nhưng nó chỉ là lý thuyết, chứ làm thế nào thực hiện được? Đức Phật có chế ra những quy tắc gì để thực hiện cái hòa ấy trong đời sống tập thể của giới tu sĩ đệ tử của ngài chăng?”

Xin thưa rằng:

- Có! Quy tắc để thực hiện cái hòa ấy, chính là pháp Lục Hòa mà các vị tu sĩ đang áp dụng trong đời sống tập thể.

II.- LỤC HÒA

Lục hòa là sáu phương pháp cư xử với nhau cho hòa hợp từ vật chất đến tinh thần, từ lời nói đến việc làm, từ trên xuống dưới, từ ngoài vào trong. Hòa ở đây không phải là thứ hòa thụ động, tiêu cực, lép vế, một chiều của kẻ yếu trước kẻ mạnh! Cũng không phải là cái hòa nhu nhược, lười biếng, ai nói quấy cũng ừ, nói sai cũng gật để cho qua chuyện.

Cái hòa ở đây cũng không phải là cái hòa chiến lược, hòa vì chưa thể chiến, hòa vì kém lực lượng, hòa để có thì giờ chuẩn bị đầy đủ cho một cuộc tái chiến về sau.

Hòa ở đây là thứ hòa chân thành, vì lợi ích cho tất cả, vì mục đích cao đẹp, trong ấy không có bóng dáng tự và tha, không thấy biên giới giữa ta và người. Cái hòa ấy phải được thực hiện trong sáu điểm sau đây:

1.- Thân thể cùng nhau chung sống hòa hiệp trong một hoàn cảnh giống nhau (Thân hòa đồng trụ):

Các vị tu sĩ đúng theo với danh nghĩa chữ Tăng già (chúng) là phải chung sống với nhau từ bốn người trở lên; trong các tịnh xá xưa ở các nước Tiểu thừa, trong các đại tăng lâm ở Trung Hoa hay Nhật Bản, có khi từng ngàn, từng vạn người tu sĩ cùng ở với nhau. Họ không được phép ở riêng rẽ,

tản mát mỗi người mỗi nơi; và cũng không được quyền ở dinh thự nguy nga, trong lúc những người bạn đồng tu của mình, lại ở chui rúc trong những căn nhà tối tăm chật hẹp. Họ không có quyền sống một đời sống riêng biệt, khác với toàn chúng, mà phải sống hòa mình trong đại chúng, hôm sớm có nhau, cùng ăn, cùng ngủ, cùng học, cùng hành. Khi đã sống bên nhau, thì phải hòa thuận với nhau, không được dùng sức mạnh để lấn hiếp, ấu đả nhau. Không ý thế hiếp cô, ý mạnh hiếp yếu, không chia bè phái, bè đảng; không phân biệt sang hèn, giàu nghèo, trí ngu, màu da, chủng tộc.

2.- Lời nói hòa thuận, không tranh cãi nhau (Khẩu hòa vô tránh):

Lời nói thường dễ gây xích mích. Trong mười giới (thập thiện) của người Phật tử thì đã có hết bốn giới là về lời nói rồi. Nhất là khi nhiều người cùng ở với nhau, chung đụng với nhau hằng ngày, thì cần phải giữ lời ăn tiếng nói, không đối trá, không đâm thọc, không hai lưỡi, không lỗ măng, không thô tục... Tránh được những tật xấu trên của lời nói, là tránh được rất nhiều chuyện xích mích.

Khi có những sự hiểu lầm, những điều thắc mắc, thì phải ôn tồn hỏi ra lẽ, và người giải đáp cũng phải nói một cách hòa nhã, lễ độ, chứ không bao giờ được to tiếng cãi vả nhau.

3.- Ý nghĩ cùng hòa hiệp, vui vẻ với nhau (Ý hòa đồng duyệt):

Lời nói dù cố gắng hòa hảo bao nhiêu, mà ý nghĩ bất chánh, tâm địa xấu xa thì cũng khó mà giữ cho hòa khí được lâu dài.

Lời nói hay ho, đẹp đẽ, mà ý nghĩ xấu xa thì cũng chẳng khác gì một lớp sơn tô ngoài một khúc gỗ mục, không chóng thì chầy, lớp sơn sẽ tróc ra và để lộ cái chất gỗ mục bên trong. Cho nên lời nói hòa chưa đủ, phải có ý hòa nữa mới được. Lời nói hay mà tâm địa dở, thì hóa ra giả dối, mà đã giả dối thì không thể ở gần nhau lâu dài được.

Muốn ý được hòa, thì không bao giờ nên nghĩ xấu cho những người chung quanh. Phải biết tha thứ, hoan hỷ xả bỏ những lỗi lầm của họ. Ta nên nghĩ rằng trong cõi đời này, không ai là hoàn toàn cả, ai cũng có những tật này hay tật khác. Không thể cầu toàn trách bị. Ta phải biết tha thứ những lỗi lầm cho kẻ khác, thì kẻ khác cũng sẽ tha thứ những lỗi lầm của ta. Có như thế, cuộc sống chung mới hòa hảo, vui vẻ, thanh tịnh được.

4.- Giới luật cùng hòa hiệp chung giữ với nhau (Giới hòa đồng duyệt):

Giới luật là những kỷ luật, những điều cần gìn giữ đối với mình và với người. Người tu hành phải giữ giới luật mà đức Phật đã chế ra, để làm mực thước cho sự tu hành của mình. Giới luật ấy, theo thứ tự căn cơ của tu sĩ, mà có nhiều hay ít, ở tại gia thì thọ ngũ giới, khi xuất gia là Sa Di thì giữ mười giới, lên Tỳ kheo thì giữ hai trăm năm mươi giới, nếu Tỳ kheo Ni thì giữ ba trăm bốn mươi tám giới. Tu theo hạnh Bồ tát thì giữ năm mươi tám giới. Khi các vị Tăng già cùng ở chung với nhau, thì người ở bậc nào giữ đúng giới luật của bậc ấy và phải chấp thuận kỷ luật chung, chứ không phải tự do theo ý riêng của mỗi người, muốn làm gì cũng được. Nếu sống trong tình trạng hỗn độn, vô kỷ luật như thế, thì chỉ ba người cũng không thể ở chung với nhau được, chứ chưa nói từng trăm, từng ngàn người.

Sự gìn giữ kỷ luật chung là một điều kiện tiên quyết để một đoàn thể tồn tại và tiến triển. Một tổ chức vô kỷ luật, thì dù có tài giỏi thông minh bao nhiêu, cũng không thể đứng vững được. Trong một tu viện, một Phật học đường hay một đại Tông lâm, người ta thường nhận thấy được không khí thanh tịnh, hòa vui hơn một đoàn thể thế gian nào khác, là vì ở những nơi ấy, giới luật, trật tự đã được giữ gìn, tôn trọng một cách hòa hiệp, hoan hỷ.

5.- Kiến thức cùng hòa hiệp chỉ bảo cho nhau (Kiến hòa đồng giải):

Sự chênh lệch về kiến thức cũng là mầm gây ra sự bất hòa. Trong một tổ chức, một đoàn thể cùng sinh hoạt với nhau, mà trình độ kiến thức cách biệt nhau quá, thì người ta khó hiểu, khó thông cảm nhau.

Vì thế, đã cùng chung sống với nhau, thì người biết nhiều, hiểu nhiều phải dặt dìu, chỉ bảo cho những người kém hiểu biết. Khi mình có một ý kiến gì mới lạ, cũng phải giải bày cho những người chung quanh biết; nếu ý kiến ấy hay, đúng thì người ta sẽ vui vẻ theo mình; nếu ý kiến ấy sai quấy thì người chung quanh sẽ vạch rõ cho mình thấy. Do sự trao đổi tư tưởng, ý kiến ấy, mọi người sẽ dễ dàng thông cảm nhau, ít khi xảy ra những sự hiểu lầm, thắc mắc đáng tiếc.

Nhất là trong kho tàng giáo lý đồ sộ, thâm sâu của Phật giáo, sự hiểu biết của một người, dù thông minh thâm thúy bao nhiêu, cũng không thể thấu hiểu một cách đầy đủ, quán xuyên rốt ráo được.. Vì thế, cần phải trao đổi ý kiến và những sự hiểu biết cho nhau. Nếu không thì mỗi người sẽ hiểu một cách, rồi sanh ra xung đột tư tưởng, rất tai hại cho sự sống chung. Nhưng khi trao đổi kiến thức, tư tưởng người Phật tử bao giờ cũng cố giữ cho không khí chung được vui vẻ, hòa thuận, không được chủ quan ích kỷ, tưng tưng. Có như thế thì đời sống chung sẽ rất mau phát triển về phương diện kiến thức.

6.- Quyền lợi cùng hòa hiệp, chia đồng đều cho nhau (Lợi hòa đồng quân):

Quyền lợi chênh lệch cũng là một mầm chính sinh ra sự xung đột bất hòa. Cho nên đã sống cùng nhau trong một hoàn cảnh chung, thì điều cần nhất là quyền lợi vật chất phải được chia đồng đều, cùng nhau đồng thọ dụng, không được người có, kẻ không, người nhiều, kẻ ít, hay chiếm là của riêng.

Hễ khi nào có người đem cho vật thực, y phục, mền chiếu, thuốc thang, tài vật... thì phải đem quân phân cho tất cả, không vì tình riêng, kẻ ít, người nhiều, kẻ tốt người xấu. Nếu vật gì không thể chia được, thì để làm của chung ch mọi người cùng hưởng dụng. Đối với kẻ tu hành, vấn đề vật chất, tiền tài, vật thực, không phải là điều quan trọng. Tuy thế, nếu sử dụng tài lợi một cách bất công, thì sẽ gây ra nhiều sự thắc mắc không tốt đẹp và nhất là sẽ làm cho những người có tánh tham lam khó tu hành cho có kết quả. Vả lại, sự quân phân tài lợi đồng đều là một bằng chứng rằng: mọi người trong đoàn thể đều được bình đẳng, trọng nể, đối xử như nhau, chứ không có cách biệt người trọng, kẻ khinh, người quý, kẻ tiện.

III.- NẾU ÁP DỤNG ĐƯỢC PHÁP LỤC HÒA TRONG ĐỜI SỐNG TẬP THỂ CỦA CÁC GIỚI TRONG XÃ HỘI THÌ LỢI ÍCH SẼ VÔ CÙNG LỚN LAO

Pháp Lục Hòa nói trên, từ trước đến nay chỉ áp dụng trong giới Tăng già mà thôi. Cái lợi ích, kết

quả quý báu của nó, chúng ta đã thấy rõ trong các tu viện Phật giáo, trong các Phật học đường, trong các chùa có đông tu sĩ.

Nhưng nếu Lục Hòa đã đem lại nhiều kết quả tốt đẹp cho giới tu sĩ Phật giáo, thì nó cũng sẽ đem lại nhiều lợi ích quý báu cho các đoàn thể khác trong xã hội, nếu chúng ta biết đem nó ra áp dụng. Theo thiên kiến, thì ở đâu có một đoàn thể, một hội, một đời sống chung, quy tụ nhiều người thì ở đấy đều có thể đem Lục Hòa ra áp dụng được cả. Vấn đề chính là người ta có thành thật áp dụng, và triệt để tuân theo sáu điều hòa ấy không mà thôi.

Dưới đây, chúng tôi sẽ lần lượt đưa ra một số đoàn thể mà Lục Hòa có thể được áp dụng và đem lại nhiều kết quả quý báu.

1.- Gia đình:

Gia đình là một tập thể nhỏ nhất và gồm những người thân thuộc, cùng chung máu thịt, nên Lục Hòa dễ có kết quả nhất. Như chúng tôi đã nói ở đoạn đầu, ở đâu có tình thương thì ở đấy mọi vấn đề dù khó khăn bao nhiêu cũng sẽ được giải quyết một cách êm đẹp. Tuy thế, trong gia đình lắm khi cũng thường xảy ra những sự bất hòa, giữa vợ và chồng, giữa cha mẹ và con cái, anh em và chị em v.v... Sở dĩ có những sự bất hòa như thế là vì:

- Hoặc nơi ăn chốn ở không được sắp đặt một cách tương đối đồng đều, người thì chiếm một chỗ quá tốt đẹp, kẻ thì phải chui rúc trong xó tối, người thì giường cao chiếu sạch, kẻ thì chiếu chần rách nát; người thì chiếm hết miếng ngon, miếng lành, người thì ăn uống kham khổ, thiếu thốn. Con cái trong nhà, đũa được yêu thương thì quần áo lụa là, đũa bị ghét bỏ thì thiếu ăn thiếu mặc v.v...

- Hoặc lời ăn tiếng nói không được giữ gìn, suông sẻ với nhau. Kẻ trên lấn áp người dưới, người dưới thiếu lễ độ cộc cằn với người trên. Lời qua, tiếng lại, không ai chịu thua ai.

Hoặc tình ý xung đột, vì tham lam, giận dữ, kiêu mạn, nghi ngờ, ý kiến không cởi mở, chấp chặt thành kiến của mình, bao giờ cũng cho mình là phải và kẻ chung quanh là trái. Thiếu tinh thần tự phê, thiếu tinh thần phục thiện. Do đó, mặc dù ở với người thân, mà thiếu hẳn sự thông cảm.

- Hoặc không tuân theo kỷ luật, nề nếp trong gia đình, sống một đời sống bừa bãi, ăn chơi, lười biếng, ai muốn làm gì thì làm, hay người làm xê mũ không hết việc, kẻ thì thông thả hoang chơi v.v...

- Hoặc kiến thức quá chênh lệch. Chồng học hành thông thái, vợ đần độn u mê, hay trái lại; anh em có người thì học rộng biết nhiều, có người thì ù ù cạc cạc. Sở dĩ có tình trạng chênh lệch về kiến thức như thế là vì người biết nhiều nhưng ích kỷ, không chỉ bảo, vẽ vờ cho người ở sau, tiến chậm. Và đó là mầm mống của sự xung đột khinh ghét nhau.

Nếu gia đình nào cũng áp dụng cho được pháp Lục Hòa của nhà Phật thì hạnh phúc gia đình sẽ thực hiện được ngay.

2.- Học đường, Ký túc xá:

Học đường hay ký túc xá là nơi tập hợp nhiều nam nữ thanh thiếu niên nhất. Ở những nơi đó, người ta thường ca tụng là tinh thần bình đẳng được phổ biến một cách rộng rãi nhất. Con ông quan lớn và con người dân cày đều được đối đãi ngang nhau; con nhà đại phú và con người làm công đều có thể kề vai sát cánh trong mọi sinh hoạt hàng ngày. Tuy thế, ở những nơi ấy, sự xung đột, sự xích mích, cãi lẫy cũng thường xảy ra ngày một, vì những lý do sau đây:

- Hoặç vì sinh lực dồi dào, nên thích đấđ đá, hoặç ý mạnh hiếp yếu, ý thế hiếp cô, đôi khi lại kết đoàn, kết lũ, chia phe chia cánh để thanh toán nhau.

Nếu ở những nơi ấy, người ta triệt để tôn trọng điều thứ nhất của Lục Hòa là “thân hòa đồng trụ”, nhất thiết không bao giờ dùng vũ lực đối với nhau, thì sẽ tránh được không biết bao nhiêu cái u đầu, vỡ trán, gãy tay, gãy chân, rách áo, rách quần...

- Hoặç vì lời nói cộc cằn, dối trá, đâm thọc, hai lưỡi mà thường xảy ra lăm điều xích mích, bất hòa. Nếu điều thứ hai của Lục Hòa là “khẩu hòa vô tránh” được áp dụng triệt để ở các nơi này, thì không khí hòa vui được thực hiện một phần lớn.

- Hoặç vì ý, tình thiếu đẹp đẽ, người ta để cho tham giận, kiêu căng, nghi ngờ được tự do phát triển, người ta không kềm hãm những ý nghĩ đen tối, xấu xa của mình, nên đã làm cho không khí chung bị ung độc, hòa khí bị tan vỡ. Nếu người ta triệt để tuân theo điều thứ ba của Lục Hòa là “ý hòa đồng duyệt”, thì quá nửa những sự xung đột sẽ bị dập tắt, vì nhiều khi những lời lẽ bất hòa, những cuộc đấđ đá đã xảy ra, nguyên nhân chính cũng tại ý không hòa trước.

- Hoặç vì kỷ luật chung không được tôn trọng, người tuân theo người không, ai muốn làm gì cứ làm, trong giờ học người học, người chơi, kẻ vào kẻ ra, mạnh ai nấy nói v.v... Kỷ luật là một điều vô cùng quan trọng, nhất là ở học đường. Nếu ở nơi này mà vô kỷ luật, thì sự học hành sẽ không đi đến đâu cả. Cho nên điều thứ tư của Lục Hòa là “giới hòa đồng tu” nhất thiết phải được thi hành trước nhất ở học đường và ký túc xá.

- Hoặç vì trong một lớp học, kiến thức, sức học không đồng đều, kẻ giỏi quá, người kém quá, nên sinh ra xung đột, người giỏi khinh kẻ dốt, người kém ganh ghét kẻ giỏi; trong lớp sinh ra có sự chia rẽ, phe cánh: gọc giỏi chơi với nhau, kẻ kém về hòa với nhau. Để thanh toán vấn đề kiến thức chênh lệch nói trên, học đường cần phải áp dụng điều thứ năm của Lục Hòa là “kiến hòa đồng giải”. Không những nhà trường có nhiệm vụ chọn lựa sức học của học sinh đừng quá chênh lệch, mà những học sinh giỏi trong lớp cũng cần nâng đỡ những bạn kém, bằng cách giảng lại những bài học khó, hướng dẫn những bài gay go. Người ta thường bảo: “Học thầy không tày học bạn” là thế. Học sinh với nhau, hiểu biết trình độ, tâm lý, tánh tình, thắc mắc của nhau hơn, nên dễ thông cảm và dễ đã phá những chướng ngại trên đường học vấn hơn. Vì những lý do trên, nên ngày nay có nhiều nơi, người ta áp dụng lối học tập thể: người ta chia ra từng nhóm bốn năm người, trong ấy có kẻ giỏi kẻ kém học chung với nhau, và kết quả thu được rất là khả quan.

Hoặç vì tài lợi, vật thực không được phân chia đồng đều, ai có gì thì giữ lấy một mình mà hưởng thụ, chứ không chia sót cho những người thiếu thốn hơn mình. Vẫn biết trong một học đường hay ký túc xá, nếu một người nào được hưởng thụ một vật thực hay tài lợi gì của gia quyến, thân thuộc

đem đến cho, cũng khó mà phân chia đủ cho mọi người; nhưng trong một phạm vi tương đối, ai cảm chúng ta phân chia cho những người bạn ở gần chung quanh ta? Sự phân chia ấy là một cử chỉ tốt đẹp, chứng tỏ lòng rộng rãi, tính hoan hỷ, lòng quý trọng bạn bè của mình. Những tánh tình tốt đẹp ấy rất dễ gây thiện cảm với mọi người cùng chung sống với nhau.

Một học đường hay ký túc xá nào có thể áp dụng được điều thứ sáu của Lục Hòa là “lợi hòa đồng quân”, nghĩa là học sinh không được có của riêng; mỗi khi có ai đem một vật dụng hay vật thực gì, thì trưởng sẽ giữ lấy làm của chung, hay nếu có thể phân phát được, thì phân phát đồng đều, nếu không phân chia đủ được thì dùng hình thức xổ số, hay hình thức khuyến khích tặng cho những người học giỏi hay tính tình kiêu mẫu, hay cứ tuần tự lần này phát cho một số học sinh này, lần sau phát cho một số khác.

Nếu tổ chức được tất cả những điều trên thì học đường và ký túc xá sẽ là những xã hội con con đẹp đẽ nhất, hòa vui nhất trong xã hội loài người.

3.- Quân đội:

Quân đội là một tập đoàn có tổ chức quy củ nhất, nghiêm minh nhất. Xét về phương diện bình đẳng thì tương đối ở đây cũng đã thực hiện được nhiều. Về phương diện kỷ luật, thì chúng ta phải công nhận là không có một tổ chức, một đoàn thể nào có thể theo kịp. Về phương diện ăn ở, thì những người đồng đội đều chia xẻ một hoàn cảnh giống nhau: cùng ăn, cùng ở, cùng làm như nhau. Tuy thế, chúng ta có thể ước mong nhiều điều tốt đẹp hơn nữa ở trong tập đoàn ấy, nếu Lục Hòa được đem ra áp dụng.

Chẳng hạn, như chúng ta có thể nêu lên điều thứ hai của Lục hòa là “khẩu hòa vô tránh”, nghĩa là anh em đồng đội luôn luôn phải dùng lời nói êm ái, hòa nhã đối với nhau trong mọi trường hợp, không bao giờ được phép to tiếng, lỗ mắng, cộc cằn làm mất hòa khí giữa anh em đồng đội. Người dưới đối với người trên, người nhỏ đối với người lớn, cần phải nói năng lễ phép đã đành, mà người trên đối với người dưới, người lớn đối với người nhỏ cũng phải ôn hòa nhã nhặn, thân mật như anh đối với em. Được như thế, thì công việc dù khó khăn bao nhiêu, người ta cũng vui lòng cố gắng làm cho tròn phận sự.

Về phương diện tình ý, chúng ta có thể nêu lên khẩu hiệu: “ý hòa đồng duyệt”. Mỗi khi anh em đồng đội có điều gì thắc mắc, thì phải cảm thông ngay, đừng để lâu trong lòng lâu ngày mà thành ung độc, rồi đi đến chỗ ganh ghét, thù hiềm nhau, cuối cùng sanh ra xung đột trầm trọng. Cấp chỉ huy cũng vậy, nên sáng suốt, cởi mở để cho các cấp dưới trình bày ý kiến, cảm nghĩ của họ, rồi giải thích một cách chu đáo đầy đủ để không ai còn thắc mắc, phàn nàn gì nữa. Nếu cấp trên chỉ áp dụng triệt để kỷ luật một cách máy móc, ra lệnh mà không cần giải thích, thì người dưới sẽ tuân hành một cách miềm cưỡng, chứ không thật tâm.

Về phương diện tài lợi, cũng cần triệt để áp dụng cho được khẩu hiệu “lợi hòa đồng quân”. Các cấp chỉ huy và cấp dưới, không nên có một đời sống quá chênh lệch: người trên thì ăn ở quá sang trọng, còn người lính thì ăn ở quá kham khổ, lương bổng quá ít ỏi. Tất nhiên không thể san bằng quyền lợi được, nhưng chỉ nên làm thế nào chớ chênh lệch đến quá cách biệt, lộ liễu quá, để người dưới có

thể thấy được rõ ràng sự bất công, sanh ra buồn phiền mà thiếu hăng hái trong nhiệm vụ.

Tóm lại, nếu một quân đội nào áp dụng được Lục Hòa, thì quân đội ấy sẽ là một sức mạnh vô song, vì mọi phần tử đều đồng tâm nhất trí, đoàn kết chặt chẽ, muôn người như một.

4.- Xí nghiệp:

Ngày nay ở các nước tân tiến trên thế giới như Anh, Mỹ, Đức, quyền lợi của công nhân mỗi ngày mỗi được tôn trọng, bảo đảm; địa vị của người thợ được nâng cao. Chẳng hạn, họ được giới chủ nhân xây cất nhà cho ở, lương bổng cao, đời sống vợ con được sung túc, và được hưởng nhiều bảo đảm xã hội. Có nhiều xí nghiệp đi xa hơn, để cho công nhân được chia lời cuối năm, có phần hùn ở trong công ty và cử đại diện sung vào Ban Giám Đốc để điều khiển xí nghiệp. Đời sống vật chất và tinh thần của công nhân như thế, là đã được nâng cao nhiều lắm so với các nước hậu tiến. Nhưng chúng ta có thể ước ao hơn nữa, nếu Lục Hòa được áp dụng ở những nơi ấy.

Chẳng hạn, nhà cửa của công nhân có thể cao ráo, rộng rãi hơn nữa, gia đình công chung sống với nhau trong hòa khí, chủ nhân không khinh rẻ công nhân, công nhân không thù ghét chủ nhân; hai bên đều tuân theo kỷ luật đã ấn định, giới chủ nhân không bóc lột công nhân, công nhân không yêu sách quá đáng; không có những sự sa thải vô lý, hay đình công ngang ngược. Công nhân được có thì giờ học tập và trau dồi kiến thức, để sự chênh lệch và hiểu biết giữa chủ và người làm công đừng quá xa vời.

5.- Hãng buôn:

Một truyền thống rất tốt đẹp ở các nhà buôn Trung Hoa, mà nhà buôn Việt Nam ta cần bắt chước là tinh thần bình đẳng và nếp sống hòa đồng giữa chủ và người làm công. Chúng ta thường thấy trong các nhà hàng Trung Hoa, chủ và người làm công đều sống một đời sống chung gần giống nhau: cùng ăn, cùng ở, cùng làm, cùng hưởng những lợi tức kiếm được. Khi ăn, thì chủ nhân và người làm công từ lớn đến nhỏ đều ngồi quanh một bàn; có khi vì bận việc, chủ ăn sau người làm công, và các món ăn đều giống nhau, ai ăn được bao nhiêu thì cứ lấy. Khi làm, thì mọi người cùng làm không quản khó nhọc, có khi chủ lại còn đánh trần ra làm việc nặng nhọc hơn người làm công nữa.

Chủ và người làm công rất tin cậy nhau, nói năng thì rất cởi mở, không kiêu cách, không dối trá, không lỗ mắng.

Về quyền lợi thì người làm công ngoài số lương tháng, cuối năm còn chia một phần lợi tức của nhà hàng.

Nhờ cách đối xử bình đẳng, nếp sống đoàn kết như thế, nên công việc làm ăn của hãng mỗi ngày mỗi phát đạt, và có thể cạnh tranh một cách thắng lợi với bất cứ nhà buôn Việt Nam nào.

Nhưng nếu họ áp dụng được pháp Lục Hòa sâu rộng hơn thì kết quả càng khả quan hơn nữa. Chẳng hạn như lợi tức, cuối năm được chia đừng quá chênh lệch. Lời lẽ nhã nhặn, vui vẻ hơn nữa, kiến thức của người làm công được nâng cao lên nữa, chủ nhân cần khuyến khích và dành thì giờ cho

công nhân học tập để đời sống tinh thần của họ được sáng sủa hơn.

Tóm lại, trên đây là một thí dụ, nêu lên để thấy rõ giá trị của pháp Lục Hòa, khi được áp dụng trong một đời sống tập thể. Chúng ta còn có thể áp dụng Lục Hòa trong những đoàn thể khác nữa, như ở các nông trại, ở trong giới văn nghệ sĩ, ở trong các cô nhi, dưỡng lão viện, trong các trại giáo huấn, hướng nghiệp v.v...

Lục Hòa càng được áp dụng trong nhiều đoàn thể, nhiều ngành hoạt động của xã hội bao nhiêu, thì sự xung đột, sự hiềm khích lại càng bớt đi chừng ấy, đời sống lại càng được yên vui đẹp đẽ thêm chừng ấy.

Một xã hội lấy Lục Hòa làm mục thước cho đời sống, thì xã hội ấy sẽ là xã hội hoàng kim, một xã hội đại đồng, một xã hội lý tưởng mà nhân loại đang hoài bão, ước mong.

Đây, ý nghĩa và công năng của chữ Lục Hòa trong đạo Phật.

Hòa Thượng Thích Thiện Hoa

ĐỌC - CỒ ĐỘNG - YẾM TRỢ

Bản Tin Thế Đạo (qua email)

Tập San Thế Đạo (3 tháng ấn hành một số)

web: www.banthedao.net

Liên lạc: banthedao@comcast.net

Thương yêu - Hòa ái - Nhẫn nhục

CHỮ HÒA (Đã Trung Tử)

Lời Đức Hộ Pháp:

“Trong Bí pháp Qua viết chữ “Hòa”... Qua gửi hai chữ “Hòa Ái” nơi lòng mấy em... Qua cầu xin mấy em có một điều là chung sức cùng nhau dựng tạo hạnh phúc cho nhau.”

Phủ dụ của Đức Hộ Pháp trong lễ Khánh thành chợ Tân dân (Qui thiện)

TIÊU DẪN

Từ lâu trong đời sống gia đình và xã hội, cũng như ngay trong cửa Đạo, ai ai cũng thừa nhận rằng, phải giữ được chữ “hòa” thì gia đình mới thịnh vượng, xã hội mới thái bình, cơ Đạo mới thống nhất và phát triển. Nên Đức Chí Tôn đã dạy rằng:

Chẳng quản đồng tông mới một nhà,
Cùng chung một Đạo tức một Cha.
Nghĩa nhân đành gửi thân trăm tuổi,
Dạy lẫn cho nhau một chữ Hòa.

(Thi văn dạy Đạo.)

Bất cứ ai cũng biết rằng chữ “hòa” là quý, nhưng rồi nhiều gia đình vẫn hình khắc chia ly, trong xã hội vẫn đầy dẫy sự xung đột phân hóa... Ngay trong lãnh vực Tôn giáo cũng phân chia ra nhiều chi phái kích bác chống đối lẫn nhau... điều này có người cho là do Thiên cơ khảo đảo thử thách. Nhưng theo thiên ý chúng tôi thì cũng do sự bất hòa mà ra.

Đức Hộ Pháp đã cảnh báo rằng:

“Hễ một hành tàng nào của chúng ta, mà làm cho con người rối loạn, ly tán, ngỗ nghịch tức nhiên phạm tội thiêng liêng ... thì chúng ta sẽ là tội nhân đệ nhất của nhân loại vậy” (Trích thuyết Đạo đêm 14 tháng 9 Mậu tý (1948) về sự Điều hòa Càn Khôn Vũ trụ).

Sự bất hòa này không những chỉ xuất hiện trong đời sống hằng ngày của nhân thế, mà ngay ra trong các tôn giáo cũng đã đến mức báo động... Về sự kiện này, nhà truyền giáo Cơ Đốc Joyce Meyer đã cảnh báo rằng:

“Tinh thần bất hòa đang phá hoại Hội Thánh, hầu như còn nhanh hơn cả việc Chúa xây dựng Hội Thánh, đây là mưu chước của Quỷ vương, mà hầu hết tín đồ đều không nhận ra nguyên nhân vì đâu mà xảy ra nan đề này, nhất là đối với những người đã được sự hỗ trợ che chở của Chúa”.

Sự bất hòa nó đang tác hại nghiêm trọng như vậy, nhưng ít ai để tâm cái nguyên nhân do đâu? Bây giờ chúng ta thử tìm hiểu nguyên nhân tại sao nảy sinh ra sự kiện nghiêm trọng này... khiến cho sự thực hiện chữ “hòa” lại khó khăn đến như vậy. Ngay cả trong cửa Đạo hầu như toàn là những người

ít nhiều cũng đã thấm nhuần được đạo nghĩa... mà vẫn không gìn giữ được chữ hòa, để đến nỗi xảy ra sự hình khắc chia ly, làm tan vỡ sự đoàn kết trong nội bộ.

NGUYÊN NHÂN XẢY RA SỰ BẤT HÒA

Ai cũng biết Hòa là quý, mà bởi từ đâu... và do ai... dẫn đến sự bất hòa chia rẽ này, sự kiện này Đức Chí Tôn đã khẳng định rằng:

“Mặt nhứt hồi mô thấy xẻ hai,
Có thương mới biết Đấng Cao Đài.
Cũng con cũng cái đồng môn đệ,
Bụng muốn phân chia hỏi bởi ai”

(Thi văn dạy Đạo.)

Như vậy Đức Chí Tôn đã xác nhận rằng sự mất đoàn kết đưa đến phân chia chi phái là do từ con người, chứ không phải là do Thiên ý. Vì Thượng Đế tạo ra con người là một hữu thể tự do, Ngài ban cho con người có quyền quyết định lấy số phận của mình, đoàn kết hay chia ly là do mình lựa chọn, Ngài duy chỉ vì thương yêu nên ân cần dạy bảo mà thôi.

Có một nguyên nhân rất dễ dàng nhận thấy là trong chúng ta không mấy ai chịu chấp nhận cái nguyên lý “nhất nguyên” là âm dương tương hợp, mà cứ cố chấp vào “nhị nguyên” xem âm là âm, dương là dương, cái phải là phải, mà trái là trái, chứ ít người chịu nhìn nhận cái nhất nguyên: “âm dương là một, phải trái là một...”. Nên mới xảy ra sự bất hòa, dẫn đến ly tán.

TÍNH CHẤT & NGUYÊN LÝ ÂM DƯƠNG

Chúng ta thừa biết rằng theo tính chất Âm Dương, thì Dương là lửa, là nóng, là trắng, là thiện, là quân tử, là tích cực.... Còn Âm thì trái lại là nước, là lạnh, là đen, là điều ác, là tiểu nhân, là tiêu cực v.v...

Vậy cái gì tạo ra âm dương? Đó là cái “một”, đây là một khái niệm quen thuộc trong triết học Đông phương: Nên thiện luôn đi đôi với ác. Tốt luôn đi đôi với xấu, do đó tốt xấu là một, thiện ác là một, như hai mặt của một tờ giấy, tương tự như trước sau, trên dưới, tả hữu là một, ngay cả họa phúc, vinh nhục cũng là một... Tất cả đều là một, không có cái gì thoát ra khỏi cái một đó cả. Cái một đó là “Đạo” là chân lý, người ngộ Đạo là người thấy được cái “Một” là một thể “thống nhất âm dương”. Tóm lại âm dương là hai mặt của Đạo.

Trong nguyên lý Âm dương Đức Lão Tử đã nói rằng:

“Vạn vật phụ âm nhi bảo dương, xung khí dĩ vi hòa” (muôn vật đều công âm và âm dương, hai khí ấy đụng chạm nhau, nhưng hòa với nhau / Lão Tử - Đạo Đức kinh).

Nên chúng ta thấy từ những đại tinh cầu trong không gian, cho đến những hạt nguyên tử ly ty trong cơ cấu vật chất, đều hàm chứa hai lực lượng tương phản nhưng tương thành này.

Theo Dịch lý thì âm dương có tính cách tương đối, không có vật gì độc âm hay cô dương mà tồn tại, vì độc âm thì bất sanh, cô dương thì bất trưởng. Âm Dương lại hỗ căn chuyển hóa lẫn nhau, hễ Dương cực thì Âm sinh, Âm cực thì Dương sinh, trong Thái âm có Thiếu dương, trong Thái dương có Thiếu âm ... Nên mọi người, mọi vật, mọi hiện tượng, cũng chỉ là sự đấu tranh, chuyển hóa và thống nhất, giữa hai mặt đối lập là âm dương. Đây là phép biện chứng của triết học Đông phương.

Nên chúng ta thường thấy trong thiên hạ, hết loạn đến trị, hết chiến tranh đến hòa bình, và ngược lại... cứ tiếp nối lẫn nhau. Trời là vậy... Thiên hạ là vậy... Cơ Đạo cũng vậy... Nhưng cái cốt lõi là do Tâm của con người, vì Đức Phật dạy rằng: “Tâm bình, thế giới bình”. Tâm bình là cái tâm liễu ngộ được nguyên lý Âm Dương. Ngài Trần Đoàn Lão Tổ đã nói rằng: “Nhược năng liễu ngộ âm dương lý, thiên địa đô lai nhứt chưởng trung” (Nếu liễu ngộ được nguyên lý âm dương thì trời đất gom lại trong lòng bàn tay).

MỐI TƯƠNG QUAN GIỮA THIỆN ÁC, PHẢI TRÁI

Theo quy luật cơ bản của Đạo học thì “Âm Dương là một”, nên “thiện ác” là một, “phải trái” là một. Mới nghe thì có vẻ phi lý, nhưng thật ra vấn đề âm dương, thiện ác, phải trái nó chỉ có tính chất tương đối, ác là mặt trái của thiện, thiện là mặt trái của ác, như hai mặt của một chiếc mê-đay, không thể rời nhau, mà nó còn lồng vào nhau nữa.

Chúng ta thử đi vào chi tiết thì sẽ nhận ra ngay: sự phải đối với người này, nhưng trái với người khác, phải lúc này nhưng trái lúc khác, phải nơi này nhưng trái ở nơi khác... Nên Pascal đã nói rằng: “Bên này núi Pyréné là chân lý, bên kia là sai lầm”. Hơn nữa tùy lập trường, cũng như nhãn quan và trình độ, mà sự nhận định phải trái của từng người cũng khác nhau, như Galilée dùng kính thiên văn để chứng minh sự vận hành của các thiên thể, thì Giáo hội La mã đã cho là một phát minh “ma quỷ” và đã giam cầm ông ta cho đến chết, như trường hợp một cái cây thẳng cắm xuống nước, thì có người lại cho cái cây ấy cong. Hơn nữa vấn đề phải trái nó cũng hàm chứa lẫn nhau, như trong cái phải có cái trái, mà trong cái trái cũng có cái phải. Mặt khác, nó lại bổ sung cho nhau, như không có trái thì làm sao biết được phải, không có ác thì làm gì biết được thiện...

Sự thật quá rõ ràng như vậy, nhưng trong chúng ta không mấy ai chịu chấp nhận cái nguyên lý ấy, nên mới dẫn đến hình khắc chia ly.

Ở đây cần lưu ý quan điểm cho “thiện ác là một”, không phải Đạo học coi thiện ác ngang với nhau, hoặc đề cao điều ác. Vì người Đạo phải luôn hành thiện tỵ ác là lẽ đương nhiên. Nhưng có ý khuyên người Đạo nên nhìn thiện ác của nhân thế một cách khoan dung.

Theo Nho gia thì người có lòng nhân nên ỷ ác dương thiện, tức là không nên chú ý tới điều ác của người, mà chỉ nên biểu dương điều thiện của họ. Còn người tách biệt thị phi thiện ác, để phi bán cho hả dạ, là kẻ tiểu nhân hiểm ác.

Đồng quan điểm đó một Chơn sư đã dạy rằng:

- Con đừng lên án ai đã sa ngã, hãy mở rộng vòng tay đón lấy kẻ ấy như một huynh đệ trên đường hành hương, mà đôi chân anh ta còn vương nặng trong bùn. (Light on the Path - Ánh sáng trên

Thánh Đạo/Mabel Colins)

Để giữ được niềm hòa khí với mọi người, thì đối với lỗi lầm của bất cứ ai, chúng ta cũng nên chung lòng sám hối, vì chúng ta với họ vốn là một, nên nghiệp quả cùng nhau san sẻ. Điều này một Chơn sư đã khẳng định rằng:

- Chớ nên tưởng con có thể đứng tách biệt ra khỏi kẻ xấu hay kẻ đại khờ. Họ chính là con đó... Nếu con để cho nảy sinh ý tưởng là con tách biệt khỏi bất cứ kẻ xấu nào, thì con sẽ tạo ra nghiệp quả để trói buộc con với người đó... Hãy nhớ rằng tội lỗi và ô nhục trên đời này cũng xảy ra cho con nữa, vì con là một phần tử của thế gian. Nên nghiệp quả của con được kết chặt với đại nghiệp quả của nhân loại...

Kẻ nào tự mãn về đức hạnh của mình, là tự tạo cho mình một chỗ trong vũng bùn. Con hãy tránh điều đó, vì đó là điều nên tránh, chớ không phải vì giữ cho con trong sạch. (Light on the Path - Ánh sáng trên Thánh Đạo / Mabel Colins).

Chúng ta cũng nên luôn nhớ rằng tất cả chúng sanh đều có chung một điểm linh quang của Thượng Đế, nên một Chơn sư đã dạy rằng:

- Con phải tập phân biệt Đức Thượng Đế trong mình loài vật, dù chúng nó thật xấu xa... Con cũng có thể luôn giúp đồng bào con là nhờ con với họ có chung một chơn thần của Thượng Đế, con hãy học hỏi cách thức tinh chơn thần đó trong người họ... (Krishnamurti / Dưới Chân Thầy).

Đối với việc làm thiện hay ác của mình thì theo Trang Tử khuyên rằng:

“Làm việc thiện thì không cần cầu danh, làm điều ác thì đừng làm đến nỗi bị hình phạt. Cứ theo lối giữa mà đi, thì có thể nuôi được cha mẹ mình, bảo vệ được mạng sống của mình...” (Vi thiện vô cận danh, vi ác vô cận hình, duyên đức dĩ vi kinh, khả dĩ dưỡng thân, khả dĩ tồn sinh... / Trang Tử - Nam hoa kinh).

Còn trường hợp muốn góp ý xây dựng với ai, thì một Chơn sư đã dạy:

“Con tưởng rằng kẻ nào đó làm quấy, nếu có dịp tỏ riêng, thì con phải nói cho có lễ phép với va vì cơ nào con không đồng ý. Có lẽ con làm cho va tin được. Nhưng nhiều trường hợp can thiệp như thế cũng không phải cách nữa. Vì con phải để cho kẻ khác được tự do như con”. (Krishnamurti / Dưới Chân Thầy).

KẾT LUẬN

Theo chơn truyền, thì người tu phải thực hiện hai chữ “Hòa” và “Nhẫn”, mới có thể vào được cửa Niết bàn, vì Đức Chí Tôn đã phán rằng:

“Phương pháp độ rỗi, chỉ khuyên lơn các chơn linh dầu Nguyên nhân hay Hóa nhân phải đoạt được hai chữ Hòa và Nhẫn thì mới về cửa này được. Dầu cho vạn kiếp sanh dày công tu luyện mà còn ganh ghét, thì sẽ bị vào tay Chúa Quỷ, chớ không mong gì về cùng Thầy...” (Theo Tam thập lục thiên du ký của Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc).

Thật vậy ngay trong một gia đình mà trên dưới hòa thuận và nhường nhịn lẫn nhau, thì dù ở trong một túp lều tranh, cũng sánh được với Động Đào nguyên rồi, nên Đức Chí Tôn mới khuyên rằng: “Cổ sửa lều tranh hóa động Đào” là vậy.

Tóm lại vấn đề then chốt muốn đạt được chữ Hòa, chúng ta cần phải nắm được yếu quyết Âm Dương là một, phải quấy là một, không thể nào loại bỏ cái này để lấy cái khác. Nếu chúng ta nhận ra cái “Một” đó, thì chúng ta ngộ Đạo, và trong xử thế mới có thể nhẫn nhục, khoan dung, thương yêu, hòa hợp với nhau, và tất cả những xung đột, bất hòa sẽ giải quyết một cách ôn hòa, ngay vấn đề thống nhất các chi phái Đạo cũng thực hiện dễ dàng. Ngoài ra còn giúp chúng ta lạc quan yêu đời, tăng cường sức khỏe và tuổi thọ nữa.

Có một điều đáng nêu nữa là trong thuật dưỡng sinh, Giáo sư Ohsawa (Nhật), đã đưa ra một phương trình: 5 âm / 1 dương là quân bình, từ đó suy ra có nghĩa là trong một người có 5 phần xấu (âm) được 1 phần tốt (dương) là người đó đã đạt mức quân bình rồi, trong xã hội có 1 người quân tử giữa 5 kẻ tiểu nhân, cũng là một xã hội yên ổn rồi, chứ chúng ta đừng đòi hỏi trong xã hội phải có một trăm phần trăm người tốt là một điều viễn tưởng.

Còn nếu chúng ta cứ cầu toàn trách bị, cố chấp vào nhị nguyên, khẳng khẳng cho rằng “phải là phải, trái là trái”, hễ còn cái này thì phải loại bỏ cái kia, thì ngay trong một tôn giáo, cũng đã chia năm xẻ bảy ra rồi...!!! Như vậy thì vấn đề đoàn kết thống nhất và hòa đồng trong gia đình, ngoài xã hội, ngay trong trong cửa Đạo vẫn còn rất xa vời, nu không muốn nói là “ảo tưởng”.

Cho nên nếu tự bản thân mình quyết tâm gìn giữ chữ Hòa, thì hãy nhìn vào cả hai mặt “phải trái” của một vấn đề để hòa giải, hầu tạo ra được sự thuận thảo với nhau, như vậy dù cho một sự việc có căng thẳng đến đâu, hay dù ai có ác ý thế nào cũng không có thể gây ra sự bất hòa với mình được cả.

CHUNG

Phụ lục:

Những tấm gương liễu ngộ NGUYÊN LÝ ÂM DƯƠNG trong thực hiện chữ Hòa

THẾ À !!!

Thiền sư Hakuin được những người chung quanh ca tụng là người có một cuộc sống trong sạch.

Bỗng nhiên một gia đình cạnh nhà ông có một cô con gái đẹp, bắt ngờ cha mẹ cô khám phá cô đã mang thai. Cha mẹ cô gái tra hỏi, cô một mực che giấu người đàn ông đã quan hệ với cô, nhưng cuối cùng cô gái đã khai người đàn ông đó là thiền sư Hakuin...!!! Quá phẫn nộ, cha mẹ cô ta đã đến gặp thiền sư Hakuin xỉ vả không tiếc lời... Nhưng ông ta chỉ trả lời vồn vện hai tiếng “Thế à...” Rồi đến khi cô gái sinh nở, cha mẹ cô bỗng đưa bé giao cho thiền sư Hakuin, khi ấy ông ta coi như đã mất hết danh dự với mọi người chung quanh, nhưng ông không buồn... Hakuin vẫn sẵn sóc đưa bé một cách tử tế ... Sau một năm, vì lương tâm cắn rứt, cô gái không chịu được, bèn thú nhận rằng: cha của đứa bé là người bán cá ngoài chợ !!! Lập tức cha mẹ cô ta đến xin lỗi thiền sư Hakuin và nhận đứa bé về, ông ta trao lại đứa bé, và cũng trả lời vồn vện hai tiếng “Thế à...”.(Theo Góp nhặt cát

đá – Giai thoại Thiên - của Thiên sư Muju).

Một người đã liễu ngộ lý âm dương tức là đã ngộ đạo, nên họ đã thấy họa phúc, vinh nhục cũng chỉ là một, đó là cái “không”, nên họ chẳng động tâm, nhờ vậy mà họ đã trở thành một con người vĩ đại.

TƯỚI DƯA

Tổng Tụ làm quan Doãn một huyện của nước Lương giáp giới biên thùy nước Sở. Người đình trưởng biên thùy nước Lương và đình trưởng biên thùy nước Sở đều trồng dưa, nhưng dưa của người nước Lương siêng chăm tưới, nên tưới tốt cho nhiều trái, còn người nước Sở lười biếng nên dưa họ xấu thua. Quan Doãn và đình trưởng bên Sở tức giận, đâm ra ganh tỵ. Người đình trưởng bên Sở đêm đêm lén sang cào dưa bên Lương khiến dưa chết mất một ít. Người đình trưởng bên Lương biết được, bèn có ý định sang cào lại dưa bên Sở để trả thù. Nhưng Tổng Tụ hay được mới khuyên rằng:

- “Sao lại làm thế ...? Làm như thế chỉ gây thêm thù oán, đưa đến bất hòa, chỉ chuốc lấy tai họa mà thôi. Ta khuyên các người đêm đêm lén sang chăm tưới dưa cho họ mau tốt, nhưng đừng để họ biết”.

Người nước Lương nghe lời khuyên này, sau đó dưa bên Sở mỗi ngày một xanh tốt, ngang với dưa nước Lương. Người Sở lấy làm lạ, dò xét mãi mới biết được nhờ người Lương lén sang chăm tưới giúp. Về sau vua Sở biết được lấy làm xấu hổ, bèn sai sứ sang tạ tội, và xin giao hòa với nhau (Theo Cổ học tinh hoa).

Đó là một tấm gương lấy ân báo oán thì oán sẽ tiêu tan, nên có một cách báo thù tốt nhất là đừng bao giờ làm theo kiểu ăn miếng trả miếng, tức là không nên bắt chước làm giống theo kẻ thù.

Những tấm gương gìn giữ chữ Hòa trong cửa Đạo:

KHÔNG TUYÊN BỐ GÌ CẢ

Có một lần Đức Thượng sanh và một số vị trong Thập nhị Thời quân cùng ký tên vào tờ không công nhận Đức Hộ Pháp. Nhưng Đức Ngài không tuyên bố một lời nào méch lòng, và Đức Ngài cũng không cho là ai sai hay ai đúng cả... Đức Ngài chỉ lo thực hiện sứ mạng mình là xây dựng nền Đạo, và lo cho con cái Đức Chí Tôn. Do đó mà về sau mọi người đều tâm phục khẩu phục.

TƯỚNG LỄ

Trong đàn cúng an vị đền thờ Phật mẫu. Bà Hương Hiếu quỳ ở nội nghi, Đức Hộ Pháp quỳ ở ngoại nghi. Khi dâng tam bửu Bà Hương Hiếu lạy mỗi bửu 9 lạy, cộng tam bửu là 27 lạy. Đức Hộ Pháp lạy mỗi bửu ba lạy, cộng ba bửu 9 lạy... Sau đó nhiều vị chức sắc thấy vậy hỏi Đức Ngài về sự khác biệt đó, Đức Ngài chỉ trả lời rằng: Đợi sau có Tướng lễ hãy thống nhất, chứ Đức Ngài không cho ai sai hay đúng gì cả.

TU KHÔNG VÌ ÁO MÃO

Trong cửa Đạo ai cũng biết công nghiệp của Ngài Phối sư Trần Quang Vinh. Ngài luôn trung thành với đường lối của Đức Hộ pháp, Ngài đã chịu biết bao nhiêu khổ hạnh vào tù ra khám... để lãnh đạo đàn em giải nguy cho Đạo.

Thế rồi vì một lý do nào đó... một đàn cơ đã lột hết áo mão của Ngài và một số chức sắc khác cho về vườn làm tín đồ !!! Nhiều vị chức sắc toan phản kháng, nhưng Ngài khuyên rằng người tu là vì Đạo chứ không vì áo mão. Sau đó Ngài an nhiên tự tại đội khăn đen, mặc áo chít vào châu lễ Chí Tôn tại Đền Thánh, ngồi theo hàng tín đồ một cách vui vẻ hài hòa... Trong lúc Ngài có hàng vạn đàn em trong cửa Đạo làm hậu thuẫn, nếu Ngài dựa vào lực lượng đó để phản ứng, thì chữ Hòa trong cửa Đạo lúc đó sẽ ra thế nào? !!!

Ngài cũng đồng quan điểm với ông Nguyễn Công Trứ, từ một vị Tướng bị giáng cấp làm một tên linh thú. Ông đã tuyên bố một câu lý thú rằng: “Khi làm tướng tôi không lấy gì làm vinh, thì khi trở về làm lính tôi cũng không lấy gì làm nhục”.

Đúng là một mẫu người đã liễu ngộ được nguyên lý âm dương, coi vinh nhục, họa phúc là một, nên họ đã trở thành những con người vĩ đại.

DANH NGÔN VỀ CHỮ HÒA

- “Máy Tạo bởi chữ Hòa mà có, thì Thế giới Càn khôn cũng phải Hòa mới trường tồn, chẳng khác nào xác thịt phải hòa với linh hồn thì mới mong đạt Đạo...”

“Tuy pháp bửu của các Tôn giáo đã đoạt đặng vẫn nhiều chớ cơ mẫu nhiệm chỉ có “Chữ Hòa” là đủ” (Lời Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc).

- “Cơ Đạo của Đức Chí Tôn đến lập trong buổi hạ nguơn này duy chỉ lấy chữ Hòa làm tôn chỉ”.

“ Có Hòa mới có Hiệp, có Hiệp mới có Thương, mà sự Thương yêu là chìa khóa mở cửa Tam thập lục Thiên và Bạch Ngọc Kinh.” (Lời Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc)

- “Bản chất của một tầng đoàn là sự hòa hợp. Theo tôi, ta có thể minh định sự hòa hợp như sau: Thân hòa đồng trú, Lợi hòa đồng quân. Giới hòa đồng tu. Khẩu hòa vô tranh. Kiến hòa đồng giải. Ý hòa đồng duyệt” (Lời Đức Thích Ca / Lục hòa).

- “Ở đâu có những điều ganh ty, cạnh tranh, tham vọng và ích kỷ, thì ở đó có sự bất hòa và phản loạn”. (Lời Chúa Jésus / Kinh Thánh / Giacơ 3:16).

- “Thà một miếng bánh khô, còn hơn trong nhà đầy thịt tế lễ lại cái lộn”. (Lời Chúa Jésus/ Kinh Thánh / Châm ngôn 17:1).

- “Tôi tớ của Chúa không nên cạnh tranh, mà phải tử tế với mọi người, để gìn giữ dây hòa bình, phải có tài dạy dỗ và nhịn nhục”. (Kinh Thánh /Thư Timôthê 2:24).

- “Quân tử Hòa nhi bất đồng, tiểu nhân đồng nhi bất hòa”. (Lời Đức Khổng Tử/ Luận ngữ / Tử Lộ / Chương XIII).

“Nhân tâm Hòa thể đạo hanh.
Phụ phụ Hòa gia nghiệp thành.
Huynh đệ Hòa thân tộc thạnh.
Phụ tử Hòa hiếu thuận sanh”.

(Cổ ngữ / Khuyết danh)

CHUNG

ĐẠO LÝ THỰC HÀNH YẾU QUYẾT ĐỂ GÌN GIỮ CHỮ HÒA DÃ TRUNG TỬ

- Có một nguyên nhân rất dễ dàng nhận thấy là trong chúng ta không mấy ai chịu chấp nhận cái nguyên lý “nhất nguyên” là âm dương tương hợp, mà cứ cố chấp vào “nhị nguyên” xem âm là âm, dương là dương, cái phải là phải, mà trái là trái... Nên mới xảy ra sự bất hòa, dẫn đến ly tán.

- Tóm lại vấn đề then chốt là chúng ta cần phải nhận chân Âm Dương là một, phải quấy là một... không thể nào loại bỏ cái này để lấy cái khác. Nếu chúng ta nhận ra cái “Một” đó, thì chúng ta ngộ Đạo, và trong xử thế mới có thể nhẫn nhục, khoan dung, tha thứ, thương yêu, hòa hợp với nhau, và tất cả những xung đột, bất hòa sẽ giải quyết một cách ôn hòa. Sự đoàn kết trong bộ tôn giáo, cũng sẽ thực hiện một cách dễ dàng.

Quý Đồng Đạo có thể đọc tiểu luận này trên một số trang Web của Cao Đài Giáo.

TRONG SỐ NÀY

- 1*- Sinh hoạt tháng 8-2018 của “Hội Tương Tế Cao Đài và Thân Hữu” Trang 01
- 2*- Thánh Giáo ngày 20 Feb 1926 dạy phải hòa nhau để chung lo danh Đạo Thầy & Trang 04
- 3*- “Chữ Hòa” của Đạo Phật (Hòa Thượng Thích Thiện Hoa) Trang 06
- 4*- “Chữ Hòa” (Dã Trung Tử) Trang 17